

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 196/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24/5/2022.

“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cồ Khắc Đàm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Hiển

Bà Nguyễn Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tứ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia
Lâm, thành phố Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham
gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Ánh Tuyết, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử
sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 433/2021/TLST-HNGĐ
ngày 10 tháng 12 năm 2021, về việc: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*;
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 4 năm
2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2022, giữa
các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn 1, xã N, huyện G, thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1986.

ĐKHKTT: Thôn 1, xã N, huyện G, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã N, huyện G, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị T. Vắng mặt: Anh M lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn
Thị T trình bày:*

- Về tình cảm: Tôi kết hôn với anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1986 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, thành phố Hà Nội ngày 27/12/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, Anh M không quan tâm đến vợ con chăm lo gia đình, thường xuyên đi sớm về muộn đánh đập chửi bới vợ con, chơi bời cá độ nợ nần nhiều người. Tôi và gia đình đã khuyên bảo Anh M nhiều lần nhưng Anh M không thay đổi. Anh M còn đánh và đuổi tôi ra khỏi nhà. Tôi và Anh M sống ly thân, cắt đứt quan hệ sinh lý từ đầu năm 2021. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, tôi yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Tôi và Anh M có 01 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 30/9/2012. Hiện nay cháu H đang ở với tôi. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được tiếp tục nuôi sống cháu H, vì hiện nay Anh M không có công ăn việc làm ở nhà, không có thu nhập. Hiện tại tôi không có thai nghén gì.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi tự nguyện không yêu cầu Anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

Tôi đang kinh doanh tự do tại Chợ vải N. Thu nhập bình quân của tôi là 15.000.000 đồng/tháng.

Về chỗ ở: Tôi và cháu H đang sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn 2, xã N, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Tôi và Anh M không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Tôi tự nguyện nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Văn M nhưng Anh M không đến Tòa án làm việc, không thể hiện ý kiến, không giao nộp, không cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và cũng không tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm được ly hôn đối với anh Nguyễn Văn M; Về con chung: Khi ly hôn được nuôi con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 30/9/2012 ; Về cấp dưỡng nuôi con: tự nguyện không yêu cầu Anh M phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa nên không có quan điểm.

* Đại diện Viện kiểm sát huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn chấp hành chưa tốt các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 19, 56, 59, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị hội đồng xét xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T vì mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Giao cho Chị T được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 30/9/2012. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho Anh M đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Áp dụng án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Căn cứ vào xác nhận thông tin cư trú của Công an xã N thể hiện- Anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị T có đăng ký Hộ khẩu thường trú và hiện nay Anh M đang thường xuyên sinh sống tại thôn 1 xã N, huyện G, thành phố Hà Nội. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm.

[2] **Về thủ tục:** Anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, Anh M đã cố tình gây khó khăn

cho Chị T trong quá trình giải quyết ly hôn tại Tòa án. Tòa án đã phải hoãn phiên tòa ngày 06/5/2022, đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, Anh M vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện G, thành phố Hà Nội ngày 27/12/2010. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại thôn 1 xã N, huyện G, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách sống, không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm, chia sẻ trách nhiệm người vợ, người chồng trong gia đình. Mâu thuẫn căng thẳng, đầu năm 2021 Chị T cùng cháu H về sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn 2, xã N, huyện G, Hà Nội cho đến nay. Vợ chồng đã sống ly thân, cuộc sống của ai người đó tự lo, Anh M cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, không quan tâm gì đến cuộc sống của vợ con. Anh M không chấp hành pháp luật khi nhận được các văn bản tố tụng, triệu tập không đến làm việc, không thể hiện ý chí của mình về nội dung vụ án, gây khó khăn cho Chị T khi làm thủ tục ly hôn.

Quá trình xác minh ý kiến tại địa phương xã N, G, Hà Nội được địa phương cung cấp thông tin: Chị T và Anh M hiện tại không chung sống cùng nhau chăm sóc con chung từ đầu năm 2021 cho đến nay.

Tòa án đã tiến hành xác minh ý kiến gia đình anh M, bà Đào Thị T1, sinh năm 1957 là mẹ đẻ của Anh M, hiện đang sống cùng nhà với Anh M cung cấp: Anh M và Chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cháu M làm ăn thua lỗ, nợ nần và phải vào miền Nam làm ăn để lánh nợ miền Bắc. Đến đầu năm 2021, cháu M quay về nhà ở. Trong cuộc sống hàng ngày, hai cháu thỉnh thoảng xảy ra xô xát, cãi vã lẫn nhau. Thi thoảng trong lúc nóng giận cháu M có đánh cháu T. Từ tháng 5/2021, cháu T cùng con đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Cháu M không đến gặp cháu T để hòa giải, đoàn tụ vợ chồng. Vợ chồng bà cũng nhiều lần lên gặp cháu T và gia đình cháu T để hòa giải mâu thuẫn giữa hai cháu nhưng cháu T không đồng ý quay về. Nay cháu T yêu cầu ly hôn với cháu M thì gia đình vẫn

mong hai cháu quay về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái. Tòa án đã đến nhà làm việc, vợ chồng tôi đã động viên cháu M đến Tòa án huyện G để giải quyết nhiều lần nhưng cháu M không đồng ý đến Tòa làm việc. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật giải quyết. Về con chung: Hai cháu có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 30/9/2012. Nếu cháu T kiên quyết ly hôn thì quan điểm của tôi và gia đình là giao cháu H cho cháu T nuôi dưỡng vì hiện nay bản thân cháu M không đủ khả năng và điều kiện kinh tế nuôi con. Hiện nay cháu M chỉ ở nhà, không đi làm, không có thu nhập.

Đại diện gia đình Chị T là ông Nguyễn Văn V và bà Lý Thị Đ trình bày: Chị T và Anh M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện G, thành phố Hà Nội ngày 27/12/2010. Sau khi kết hôn T và M ở cùng bố mẹ chồng từ lúc kết hôn đến giờ T và M có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H và sống tại nhà bố mẹ chồng đến năm 2020 thì T cùng cháu H chuyển về gia đình tôi ở, vì trong quá trình chung sống cùng bố mẹ chồng tại Thôn 1, xã N, huyện G, Tp.Hà Nội thì vợ chồng T và M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống, hay chơi bời cờ bạc, đi sớm về khuya. Đỉnh điểm là trong 2 năm qua, M bỏ quê hương đi xa. Sau khi về thì không những không thăm hỏi, giúp đỡ làm ăn mà còn thường xuyên chửi rửa đánh đập T. Từ khi T và cháu H chuyển về sống cùng tôi và vợ tôi tại thôn 2, xã N, huyện G, Tp.Hà Nội, M cũng không lên gặp, thăm nom vợ con, hỏi han gì chúng tôi. Nay T yêu cầu ly hôn đối với M tôi và vợ tôi không có ý kiến gì, đề nghị Toà án căn cứ quy định pháp luật giải quyết. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 30/9/2012. Hiện cháu H đang ở cùng với cháu T và vợ chồng tôi. Nếu ly hôn T được giao tiếp tục nuôi dưỡng cháu H vì không làm sáo trộn cuộc sống, sinh hoạt, học tập của cháu H. Vợ chồng tôi cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho cháu T và cháu H sinh sống. Về tài sản, công sức, nợ chung: Tôi và gia đình không biết, nếu có yêu cầu đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật giải quyết.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng Chị T, Anh M đã căng thẳng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin được ly hôn của Chị T là chính đáng, phù hợp với quy định của Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[4] **Về con chung:** Chị T và Anh M có hai con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 30/9/2012. Hiện tại con chung đang ăn ở, học tập ổn định với Chị T. Chị T có chỗ ở và thu nhập ổn định còn Anh M hiện chưa có việc làm, thu nhập

ổn định và Anh M cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Khi ly hôn, Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cũng phù hợp nguyện vọng ở với Chị T khi anh chị ly hôn của cháu H. Việc cấp dưỡng nuôi con chung Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Chị T về con chung giao cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia H, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với Anh M cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] **Về tài sản chung là động sản, bất động sản và các khoản nợ chung:** Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết .

[6] **Về án phí :** Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và kết quả nghị án của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1 Mục II Danh Mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội .

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 được ly hôn với anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1986.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 30/9/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Nguyễn Văn M cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung là động sản, bất động sản và các khoản nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0072977 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. G;
- THADS H. G;
- TAND TP Hà Nội;
- UBND xã N,
- huyện G, TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cồ Khắc Đàm